TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 10/2025/DS-GĐT
Ngày 03/4/2025
V/v " *Tranh chấp đòi lại tài sản* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường và ông Nguyễn Văn Tào.

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên chính.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp đòi lại tài sản*", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Tú U**, sinh năm 1990; địa chỉ trường trú: thôn P, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ tạm trú: 1 đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Võ Thị Minh L**, sinh năm 1962; địa chỉ: số C Bầu M, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản ủy quyền lập ngày 31/3/2023).

2. Bị đơn: ông **Trần Đình T**, sinh năm 1981; địa chỉ: số G đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà **Nguyễn Thị Sáu H**, sinh năm 1979; địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản ủy quyền lập ngày 12/01/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1985; địa chỉ: số A đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Ông **Diệp L1**; địa chỉ: số C đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3.3. Ông **Nguyễn D**; địa chỉ: số C đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3.4. Ông **Ông Văn V**, sinh năm 1978; trú tại: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3.5. Bà **Trần Thị Thanh V1**, sinh năm 1976; Địa chỉ: số G đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U:

Ngày 26/4/2022, Bà đến Cửa hàng Ô1 (tại C đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng) để xem xe và thoả thuận thống nhất về việc mua chiếc xe ô tô Mercedes C200 đã qua sử dụng với giá 855.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, Bà đặt cọc 200.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thống nhất sau khi làm thủ tục sang tên Bà sẽ chuyển đủ tiền mua xe và nhận bàn giao xe.

Ngày 06/6/2022, B cùng chồng là ông Nguyễn Văn N đến nhận bàn giao xe tại Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1 do ông Diệp L1 là người trực tiếp giao xe, đồng thời Bà chuyển đủ số tiền còn lại 655.000.000 đồng cho Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1 thông qua tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1. Do hộ khẩu của vợ chồng B ở Quảng Nam nên Bà đã nhờ ông Trần Đình T là người có hộ khẩu ở Đà Nẵng đứng tên hộ trên giấy đăng ký để xe ô tô có biển số tại Đà Nẵng. Sau khi đăng ký xe có biển số là 43A-687.39.

Sau khi mua xe ô tô, vợ chồng B thường gửi nhờ tại nhà ông T vì điều kiện vợ chồng B đang ở trọ nên không có chỗ để xe. Đến ngày 22/7/2022, B gọi điện thoại cho bà Trần Thị Thanh V1 (chị gái của ông T) để lấy lại xe sử dụng thì bà V1 né tránh, không chịu giao xe nên Bà khởi kiện yêu cầu ông T trả lại chiếc xe ô tô Mercedes C200, biển số 43A-687.39 và thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận đăng ký xe cho Bà.

Quá trình giải quyết vụ án, do xe ô tô Mercedes C200, biển số 43A- 687.39 ông T đã bán cho người khác, hiện nay không thu hồi được. Do đó, B và đại diện theo ủy quyền của Bà yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đình T trả cho Bà giá trị xe ô tô Mercedes C200, biển số 43A- 687.39 với số tiền 730.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Đình T:

Ông và vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Tú U là đồng hương nên có quen biết và làm ăn chung từ hơn 10 năm nay. Khoảng tháng 4/2022, vợ chồng ông N, bà U biết Ông đang có nhu cầu mua xe ô tô để phục vụ công việc làm ăn của gia đình. Do đó, ông N, bà U đã giới thiệu cho Ông chiếc xe ô tô của người thân ông N làm tại Cửa hàng Ô1. Sau khi tới Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1 xem và kiểm tra xe, Ô đồng ý mua với giá mà ông N báo cho Ông, sau đó Ông tiến hành chuyển tiền cho vợ chồng ông N, bà U để đặt cọc và thanh toán

tiền cho Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1. Số tiền Ông đã chuyển khoản và giao tiền mặt cho vợ chồng ông N, bà U như sau:

Ngày 18/5/2022, chuyển cho bà U 50.000.000 đồng.

Ngày 19/5/2022, chuyển cho bà U 190.250.000 đồng (trong đó 190.000.000 triệu đồng là tiền đặt cọc xe, 250.000 đồng là tiền uống nước ông T nợ vợ chồng bà U).

Ngày 05/6/2022, đưa tiền mặt cho bà U 365.000.000 đồng.

Ngày 06/6/2022, chuyển khoản cho bà U 250.000.000 đồng.

Tổng cộng 855.250.000 đồng.

Ngày 06/6/2022, Ông cùng ông N, bà U đến Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1 để cung cấp chứng minh nhân dân và các giấy tờ liên quan để làm giấy tờ xe và nhận xe. Ông khẳng định xe ô tô này do Ông mua và đứng tên, vợ chồng ông N, bà U chỉ là người giới thiệu cho Ông mua xe. Vì tin tưởng vợ chồng ông N, bà U nên Ô không tham gia vào việc môi giới của vợ chồng ông N. Ông chỉ quan tâm đến giá cả, chất lượng hợp lý thì Ông mua xe và chuyển tiền cho vợ chồng ông N, bà U để thanh toán tiền mua xe. Do đó, Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà U.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Trần Thị Thanh V1 trình bày:

Bà và ông Trần Đình T (em trai bà) với vợ chồng bà Nguyễn Thị Tú U, ông Nguyễn Văn N có mối quan hệ quen biết thân thiết lâu năm. Trong quá trình làm ăn giữa Bà, ông Trần Đình T với vợ chồng bà U, ông N có rất nhiều giao dịch tiền bạc với nhau. Riêng đối với khoản tiền 250.000.000 đồng ông Trung chuyển cho bà U vào ngày 06/6/2022 để mua xe ô tô, hoàn toàn không liên quan đến khoản tiền làm ăn vay mượn giữa Bà với bà U. Ngoài các giao dịch được thực hiện chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng thì giữa Bà, ông T với vợ chồng bà U, ông N còn có rất nhiều lần giao dịch tiền mặt khác nhưng các bên không viết giấy.

+ Ông Diệp L1 trình bày:

Ông làm kinh doanh mua bán ô tô tại Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1. Khoảng tháng 5 đến tháng 6 năm 2022, bà Nguyễn Thị Tú U có liên hệ với Ông để mua 01 xe ô tô Mercedes C200 cũ với giá 855.000.000 đồng. Bà U là người liên hệ mua xe và thanh toán tiền mua xe. Theo yêu cầu của bà U thì Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1 đã xuất hóa đơn cho người mua xe là ông T (người đứng tên mua xe trên hóa đơn) để làm thủ tục đăng ký xe. Sự việc Ông chỉ biết như vậy, còn nội dung thỏa thuận giữa bà U và ông T như thế nào thì Ông hoàn toàn không biết. Khi đi đăng ký xe thì ông T là người bấm biển số, khi giao xe tại cửa hàng có vợ chồng bà U và ông T đi nhận xe.

+ Ông Ông Văn V trình bày:

Ngày 25/7/2022, Ông có mua của ông T 01 chiếc xe ô tô Mercedes C200, biển số 43A-687.39 với giá 730.000.000 đồng. Hiện nay xe này Ô đã bán cho người khác, xe ô tô hiện nay ở đâu thì Ông không biết.

+ Ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 08/5/2022, Ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị Tú U có mua ô tô tại Cửa hàng Ô1 (số C đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng), xe ô tô có biển số là 20A-259.15 với giá 855.000.000 đồng. Đến ngày 06/6/2022, vợ chồng Ông có nhờ ông Diệp L1 làm thủ tục xuất hóa đơn đứng tên ông Trần Đình T, sau khi sang tên ông T, xe mang biển số 43A-687.39. Lý do vợ chồng Ông nhờ ông Trần Đình T đứng tên là vì ông T là chỗ quen biết, thân tình cùng nhau làm ăn, trong khi hộ khẩu của vợ chồng Ông ở Quảng Nam, lại không có bằng lái nên nhờ ông T đứng tên để có biển số Đà Nẵng. Tuy nhiên, sau đó ông T lại đem xe ô tô của vợ chồng Ông bán cho người khác. Nay, bà U khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại cho bà U số tiền 855.000.000 đồng mà vợ chồng Ông đã mua xe, Ông đồng ý.

+ Ông Nguyễn D trình bày:

Khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2022, vợ chồng bà Nguyễn Thị Tú U có liên hệ với Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1 để mua 01 xe ô tô Mercedes C200 màu trắng. Quá trình làm việc, trao đổi mua bán xe, ông Diệp L1 là người trực tiếp thực hiện. Nội dung trao đổi cụ thể về việc mua bán, giao tiền, xuất hóa đơn như thế nào là do ông Diệp L1 thực hiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 28/8/2023, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 221, 223; Điều 513, 515, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U đối với bị đơn ông Trần Đình T về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

T1 buộc ông Trần Đình T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tú U số tiền: 365.000.00 đồng *(Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U về việc buộc bị đơn ông Trần Đình T phải trả cho bà U số tiền: 365.000.000 đồng *(Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2023, bà Nguyễn Thị Tú U và ông Trần Đình T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 33/2024/DS-PT ngày 29/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 "*V/v Tranh chấp đòi lại tài sản"* của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U đối với bị đơn ông Trần Đình T, về việc buộc ông Trần Đình T trả lại cho bà Nguyễn Thị Tú U giá trị xe ô tô Mercedes C200, BKS 43A-687.39 ông T đã chuyển nhượng là 730.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

- Ngày 26/4/2024, bà Nguyễn Thị Tú U có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị số 02/2025/KN-DS ngày 04/3/2025, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 33/2024/DS-PT ngày 29/01/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Giấy bán xe ngày 08/5/2022 (bút lục 103), thể hiện: bà Nguyễn Thị Tú U là người mua xe ô tô cũ Mercedes C200 màu trắng, biển số 20A-25915 với giá 855.000.000 đồng; bà U đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi bàn giao xe, bà U đã thanh toán số tiền còn lại 655.000.000 đồng cho Cửa hàng Bảo Phương D1.

[2] Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Mercedes C200, biển số 43A-687.39 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 06/6/2022 thì ông Trần Đình T là chủ xe ô tô (bút lục 204-205).

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà U cho rằng vợ chồng B là người mua chiếc xe ô tô trên. Tuy nhiên, do vợ chồng B hộ khẩu ở Quảng Nam, trong khi Bà muốn có biển số Đà Nẵng nên vợ chồng Bà đã nhờ ông Trần Đình T đứng tên hộ; phía ông Trần Đình T thì cho rằng, xe ô tô đang tranh chấp là do Ông nhờ vợ chồng bà U mua giùm, vì vợ chồng bà U là đồng hương và làm ăn chung thân thiết lâu năm nên khi biết Ông có nhu cầu mua xe thì vợ chồng bà U đã giới thiệu. Do tin tưởng vợ chồng bà U nên sau khi xem xe và đồng ý mua thì Ông đã chuyển tiền cho vợ chồng bà U đặt cọc và thanh toán tiền cho Cửa hàng ô tô Bảo Phương D1. Tổng số tiền Ông đã chuyển khoản và giao tiền mặt cho vợ chồng bà U là 855.250.000 đồng, trong đó số tiền chuyển khoản 490.250.000 đồng (có 250.000 đồng trả nợ tiền uống nước) và giao tiền mặt 365.000.000 đồng.

[4] Xét thấy, tại Giấy bán xe ngày 08/5/2022 thể hiện bà U là người mua xe ô tô cũ Mercedes C200 màu trắng, biển số 20A-25915 với giá 855.000.000 đồng; bà U cũng là người đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng và sau khi bàn giao xe, bà U đã thanh toán số tiền còn lại 655.000.000 đồng cho Cửa hàng Bảo Phương D1. Trong khi đó, ông T xác định Ông chuyển tiền nhờ vợ chồng bà U mua xe, nhưng các khoản tiền ông Trung chuyển K cho bà U đều không thể hiện nội dung chuyển tiền và cũng không được bà U thừa nhận là khoản tiền ông Trung C để trả tiền mua xe, bà U cho rằng số tiền ông Trung chuyển K là những giao dịch làm ăn khác; đối với số tiền 365.000.000 đồng ông T cho rằng giao tiền mặt cho bà U nhưng bà U xác định B không nhận khoản tiền này, trong khi ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao số tiền này cho bà U. Tuy nhiên, Toà án cấp phúc thẩm nhận định ông T đã thanh toán tiền mua xe ô tô thông qua vợ chồng bà U, trong đó chuyển khoản 490.000.000 đồng và đưa tiền mặt 365.000.000 đồng, từ đó xác định ông T là chủ sở hữu xe ô tô nêu trên là chưa đủ căn cứ; Toà án cấp sơ thẩm nhận định không có căn cứ xác định ông T đã giao cho bà U số tiền 365.000.000 đồng để mua xe ô tô và lời khai của các bên đương sự còn mâu thuẫn về mục đích ông Trung chuyển K số tiền 490.000.000 đồng cho bà U nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn xác định số tiền 490.000.000 đồng là khoản tiền ông Trung C cho bà U để mua xe ô tô, là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[5] Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2023, ông Diệp L1 (người trực tiếp bán xe ô tô) trình bày: bà U là người liên hệ mua xe, thanh toán tiền mua xe ô tô và theo yêu cầu của bà U, Cửa hàng Bảo Phương D1 xuất hóa đơn cho người mua xe là ông Trần Đình T để làm thủ tục đăng ký xe ô tô. Quá trình giải quyết vụ án, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm phải làm rõ lời khai của

ông Diệp L1, đồng thời làm rõ những nội dung còn mâu thuẫn như đã phân tích ở trên, từ đó mới có đủ cơ sở đưa ra các phán quyết của mình. Tòa án cấp phúc thẩm lại chỉ căn cứ vào lời khai của ông T và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Mercedes C200, biển số 43A-687.39 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 06/6/2022 đứng tên ông Trần Đình T để xác định ông T là chủ sở hữu xe ô tô nêu trên, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2025/KN-DS ngày 04/3/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2025/KN-DS ngày 04-3-2025 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Giao hồ sơ vụ án dân sự cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TANDTC – Vụ II;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Vụ GĐT-TT và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long